



QUY ĐỊNH
Hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư
nguồn ngân sách nhà nước các dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện
thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số 186/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ; việc quản lý, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước dự án có tính chất kỹ thuật đơn giản và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng được Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư (thông qua Ban phát triển thôn) tự thực hiện thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh được giao quản lý, theo dõi chương trình mục tiêu quốc gia; Ủy ban nhân dân cấp xã; phòng chuyên môn được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; Ban quản lý dự án cấp xã (hoặc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã), Ban phát triển khóm, ấp hoặc tổ chức tương đương.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện là phần vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn ngân sách nhà nước hợp pháp khác được cấp có thẩm quyền bố trí, phân bổ, giao trong kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ cộng đồng dân cư tự thực hiện dự án theo hình thức, định mức hỗ trợ quy định tại Quy định này.

2. Chủ đầu tư là cơ quan, đơn vị được giao trực tiếp quản lý dự án bao gồm Ban quản lý dự án cấp xã (hoặc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã), các phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, năng lực quản lý theo quy định.

3. Ban phát triển khóm, ấp hoặc tổ chức tương đương là tổ chức đại diện cộng đồng dân cư tại địa bàn có dự án, được cộng đồng dân cư thống nhất, được Ủy ban nhân dân cấp xã giao làm đầu mối tổ chức thực hiện dự án theo quy định.

4. Cộng đồng dân cư tự thực hiện dự án là cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp, có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công, được Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn cơ chế giao tự thực hiện dự án thông qua Ban phát triển khóm, ấp hoặc tổ chức tương đương theo khoản 5 Điều 20 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Dự án được áp dụng cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện phải đồng thời đáp ứng các điều kiện về mục tiêu, đối tượng, phạm vi chương trình mục tiêu quốc gia; tính chất kỹ thuật đơn giản; tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng; năng lực tự thực hiện của cộng đồng dân cư và các điều kiện khác theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, pháp luật về xây dựng, đấu thầu và quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Tổng mức đầu tư của dự án là toàn bộ chi phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ, phần đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư bằng tiền, hiện vật, vật liệu, ngày công lao động được quy đổi thành tiền và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Cơ cấu nguồn vốn và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được xác định trong hồ sơ dự án, quyết định phê duyệt dự án và kế hoạch vốn được giao. Trường hợp dự án có nhiều nguồn vốn ngân sách nhà nước cùng tham gia thì tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là tổng hợp các nguồn vốn ngân sách nhà nước được bố trí cho dự án.

4. Việc hỗ trợ, quản lý, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện phải đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đúng nội dung, hình thức, định mức hỗ trợ, cơ cấu nguồn vốn, kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, phòng ngừa thất thoát, lãng phí và không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

5. Không yêu cầu cộng đồng dân cư, Ban phát triển khóm, ấp hoặc người dân cung cấp thêm thành phần hồ sơ gửi cơ quan thanh toán ngoài hồ sơ theo quy định của Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Các tài liệu phục vụ quản lý nội bộ, công khai, giám sát cộng đồng phải được chủ đầu tư lưu giữ đầy đủ để phục vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và quyết toán.

6. Các khoản đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động phải được cộng đồng dân cư thống

nhất, công khai, quy đổi thành tiền để theo dõi trong giá trị công trình; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước, trừ trường hợp pháp luật về ngân sách nhà nước có quy định khác.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ HÌNH THỨC, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ, QUẢN LÝ, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN

Điều 5. Hình thức hỗ trợ

Trên cơ sở mức vốn đầu tư công hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tùy theo điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn lực cụ thể của địa phương để triển khai thực hiện dự án trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hình thức hỗ trợ cho phù hợp, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, theo các hình thức như sau:

1. Hỗ trợ bằng tiền: Vốn ngân sách nhà nước thanh toán qua cơ quan thanh toán cho chủ đầu tư để chi trả cho Ban phát triển khóm, ấp hoặc tổ chức tương đương theo hợp đồng, văn bản giao nhiệm vụ, hồ sơ thanh toán hợp lệ.

2. Hỗ trợ bằng hiện vật: Ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, cấp phát vật tư, vật liệu, cấu kiện, sản phẩm, thiết bị hoặc hiện vật cần thiết khác để Ban phát triển khóm, ấp hoặc tổ chức tương đương tổ chức thi công theo hồ sơ dự án được phê duyệt; giá trị hiện vật được quy đổi thành tiền để theo dõi, thanh toán, quyết toán và tổng hợp vào chi phí đầu tư xây dựng công trình.

3. Hỗ trợ kết hợp bằng tiền và hiện vật: Căn cứ điều kiện thực hiện dự án, khả năng cung ứng vật tư, vật liệu tại địa phương, năng lực quản lý của cộng đồng dân cư và yêu cầu kiểm soát chi ngân sách nhà nước, chủ đầu tư đề xuất hình thức hỗ trợ kết hợp trong hồ sơ dự án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hình thức hỗ trợ cụ thể của từng dự án phải được xác định trong quyết định phê duyệt đầu tư dự án, phù hợp với nội dung hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia, cơ cấu nguồn vốn, kế hoạch vốn được giao và khả năng tổ chức thực hiện của cộng đồng dân cư.

Điều 6. Định mức hỗ trợ

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; xã Khu vực III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030: Ngân sách nhà nước (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư được duyệt/một dự án.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn các xã còn lại: Ngân sách nhà nước (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư được duyệt/một dự án.

3. Trường hợp một dự án thuộc nhiều mức hỗ trợ khác nhau thì áp dụng mức hỗ trợ cao nhất phù hợp với địa bàn, đối tượng, nội dung hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia và khả năng cân đối nguồn vốn được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 7. Lập kế hoạch, phân bổ, nhập kế hoạch vốn đầu tư

1. Lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng thực hiện xây dựng công trình theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

2. Kho bạc nhà nước có trách nhiệm nhập kế hoạch vốn đầu tư (trong trường hợp xã chưa tổ chức nhập) trên hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc nhà nước (TABMIS) theo hướng dẫn tại Thông tư số 132/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc nhà nước (TABMIS).

Điều 8. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán

1. Sau khi có văn bản phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình theo quy định, Chủ đầu tư làm thủ tục mở Mã số dự án theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2015 hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách và mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc Nhà nước (phòng giao dịch tại các xã, phường) theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 157/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

2. Hồ sơ thực hiện và thanh toán của dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

3. Tạm ứng vốn theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

4. Thanh toán khối lượng hoàn thành thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Dự án sau khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng phải lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, thẩm tra và phê duyệt quyết toán theo quy định của Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án, Thông tư số 73/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án và pháp luật có liên quan.

2. Lập báo cáo quyết toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán

a) Hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

b) Thẩm quyền phê duyệt vốn đầu tư dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

c) Cơ quan chủ trì thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

d) Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

đ) Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

e) Thời gian lập báo cáo quyết toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

3. Sau khi quyết toán được phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm xử lý công nợ, tắt toán tài khoản dự án, bàn giao hồ sơ hoàn thành, hồ sơ quản lý tài sản, hồ sơ bảo trì và lưu trữ hồ sơ của dự án theo quy định.

4. Trường hợp phát hiện thanh toán sai đối tượng, sai nội dung, sai hình thức hỗ trợ, sai định mức hỗ trợ, vượt giá trị nghiệm thu, vượt kế hoạch vốn hoặc không đủ hồ sơ chứng minh, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi, nộp trả ngân sách nhà nước hoặc xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền; tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyết toán theo niên độ

Kết thúc năm ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quyết toán vốn đầu tư theo niên độ theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP và Thông tư số 91/2025/TT-BTC. Trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo năm ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Chương III TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Kho bạc Nhà nước và Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này; kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cân đối, phân bổ, giao, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

3. Phối hợp kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với trường hợp sử dụng vốn không đúng mục tiêu, sai đối tượng, sai hình thức hỗ trợ, sai định mức hỗ trợ, chậm quyết toán, để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, thất thoát, lãng phí.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành tỉnh

Các sở, ban, ngành tỉnh được giao quản lý chương trình, dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn chuyên môn, tổng hợp nhu cầu, theo dõi tình hình giải ngân, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp với Sở Tài chính trong công tác quản lý, thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước.

Điều 13. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước

1. Thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho dự án khi có đủ điều kiện và hồ sơ thanh toán theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện thủ tục giao dịch, đối chiếu số liệu thanh toán, tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành; phối hợp xử lý vướng mắc về hồ sơ thanh toán theo thẩm quyền.

3. Cung cấp số liệu giải ngân, tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành phục vụ công tác quyết toán niên độ, quyết toán vốn đầu tư dự án và báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư

1. Tổ chức triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã; quyết định lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện dự án khi đáp ứng đủ điều kiện tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và Quy định này.

2. Chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện; bảo đảm dự án được thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đúng nội dung, đúng quy mô, đúng hình thức hỗ trợ, đúng định mức hỗ trợ, đúng kế hoạch vốn được giao; không để xảy ra thất thoát, lãng phí, trùng lặp, nợ đọng xây dựng cơ bản.

3. Tổ chức công khai đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 4 Quy định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi sinh hoạt cộng đồng và trên phương tiện thông tin cấp xã.

4. Chỉ đạo việc lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản; giao Ban phát triển khóm, ấp hoặc tổ chức tương đương làm đầu mối thực hiện; quản lý chất lượng, nghiệm thu, tạm ứng, thanh toán, quyết toán và bàn giao công trình theo quy định.

5. Lưu giữ đầy đủ hồ sơ dự án, hồ sơ thanh toán, quyết toán, chứng từ chi trả cho người dân, chứng từ mua sắm vật tư, vật liệu, hồ sơ hiện vật, hồ sơ đóng góp của cộng đồng, hồ sơ công khai và hồ sơ giám sát cộng đồng.

6. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan quản lý chương trình, dự án thành phần, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện, giải ngân, thanh toán, quyết toán và khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban phát triển khóm, ấp hoặc tổ chức tương đương

1. Ban phát triển khóm, ấp hoặc tổ chức tương đương làm đầu mối của cộng đồng dân cư thực hiện các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư và cộng đồng dân cư về việc tổ chức thực hiện công trình, sử dụng vốn, vật tư, ngày công, hiện vật đúng mục đích, công khai, minh bạch.

2. Tổ chức huy động sự tham gia tự nguyện của người dân theo nội dung đã được cộng đồng thống nhất; lập danh sách người dân tham gia, bảng kê ngày công, vật liệu, hiện vật, chi phí thực tế; thực hiện chi trả đúng đối tượng, đúng giá trị được nghiệm thu và lưu chứng từ gửi chủ đầu tư.

3. Phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình thi công, nghiệm thu, bàn giao, quản lý vận hành, bảo trì công trình; kịp thời báo cáo khi phát sinh thay đổi về khối lượng, giá trị, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, môi trường hoặc các vướng mắc vượt khả năng xử lý.

4. Chịu trách nhiệm thực hiện giám sát theo quy định của pháp luật về đầu tư công, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và quy định của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; tham gia nghiệm thu theo thành phần quy định, phát hiện và kiến nghị xử lý các hành vi có dấu hiệu vi phạm, thất thoát, lãng phí.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quy định này để tổ chức thực hiện; trường hợp có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc quy định mới đó.